

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-SCIC/HN

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100=110+120+130+140+150)	100		40.499.898	58.696.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	356.115	301.605
1. Tiền	111		29.115	10.105
2. Các khoản tương đương tiền	112		327.000	291.500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	37.430.249	55.747.555
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		37.986.776	56.282.082
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(556.527)	(534.527)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.710.773	2.637.136
1. Phải thu khách hàng	131		106	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.037	450
3. Phải thu hoạt động đầu tư tài chính	134	7	348.395	423.554
4. Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	135	17	2.389.342	2.220.485
5. Các khoản phải thu khác	136	8	2.015	32.949
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30.122)	(40.302)
IV. Hàng tồn kho	140		549	3.754
1. Hàng tồn kho	141		549	3.754
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.212	6.318
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	683
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.212	5.635

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-SCIC/HN

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.763.465	12.446.439
(200 = 220+240+250+260)				
I. Tài sản cố định	220		174.458	178.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	26.693	30.705
- Nguyên giá	222		49.448	48.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.755)	(17.571)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	147.765	147.787
- Nguyên giá	228		148.685	148.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(920)	(898)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	253
II. Bất động sản đầu tư	240	11	33.640	34.805
- Nguyên giá	241		36.598	36.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.958)	(1.830)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	32.450.618	12.127.344
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.393.498	1.477.707
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.686.273	4.220.540
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24.445.134	6.449.762
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(74.287)	(20.665)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		104.749	105.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	103.774	105.048
2. Tài sản dài hạn khác	268		975	497
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		73.263.363	71.142.807

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-SCIC/HN

Đơn vị: triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		38.168.507	39.657.198
I. Nợ ngắn hạn	310		317.435	202.259
1. Phải trả người bán	312		7.641	5.538
2. Người mua trả tiền trước	313		3	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	156.076	42.172
4. Phải trả người lao động	315		55.111	51.159
5. Chi phí phải trả	316		4.175	4.969
6. Phải trả các hoạt động đầu tư tài chính	318		-	2.687
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		38.123	54.293
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		56.013	41.355
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	338		293	86
II. Nợ dài hạn	330		3.129	1.688
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.679	238
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.450	1.450
III. Các quỹ phải trả	340		37.847.943	39.453.251
1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	341	17	37.847.943	39.453.251
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		35.094.856	31.485.609
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.094.856	31.485.609
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	21.108.464	19.708.756
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.276.336	10.970.351
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		326.004	455.545
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		384.052	350.957
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		73.263.363	71.142.807

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- USD	768.360	737.224
- EUR	17.558	8
- GBP	4.172	4.172
- JPY	174.000	544.000
- HKD	360	360

Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Thị Phương Thảo
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Vũ Trí Thúc
Vũ Trí Thúc
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Quốc Huy
Nguyễn Quốc Huy
 Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-SCIC/HN

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	10	19	10.532.510	6.987.000
2. Chi phí hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	11	20	1.865.311	993.111
3. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		8.667.199	5.993.889
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16	4
5. Chi phí tài chính	22		-	21
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	146.713	141.271
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn (30=20+21-22-25)	30		8.520.502	5.852.601
8. Thu nhập khác	31		4.862	4.352
9. Chi phí khác	32		537	214
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.325	4.138
11. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		58.931	152.359
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		8.583.758	6.009.098
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	733.244	480.304
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.850.514	5.528.794


Nguyễn Thị Phương Thảo
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016


Vũ Trí Thức
 Trưởng Ban Tài chính Kế toán


Nguyễn Quốc Huy
 Phó Tổng Giám đốc

